

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **25/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 28-4-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Quốc Hội

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Dương Tấn Đầu**
- 2. Ông Trịnh Phước Đức**

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thanh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị Th, sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố C, Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn Ch, sinh năm 1972 (Vắng mặt lần hai)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố C, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản trình bày ý kiến, nguyên đơn bà Đào Thị Th trình bày:

Bà Đào Thị Th và ông Đỗ Văn Ch kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự tìm hiểu, yêu thương nhau mới tiến đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày 20/11/2001.

Bà Th xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Phương Nh, sinh ngày 23/7/2002 và Đỗ Việt N, sinh ngày 17/5/2007.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông Ch không lo làm ăn kinh tế gia đình, phải để một mình bà Th chăm lo gia đình. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 năm, từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không thể đoàn tụ, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không còn đạt được.

Nay bà Đào Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Do cháu Đỗ Thị Phương Nh, sinh ngày 23/7/2002 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đỗ Việt N, sinh ngày 17/5/2007 do bà Th đang nuôi dưỡng trực tiếp, bà Th tôn trọng ý kiến của cháu N, nguyện vọng cháu sống với ai thì người đó có trách Nhiệm nuôi dưỡng, nếu cháu sống với bà thì bà không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con, do hiện nay bà Th có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Bà Th xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th xác nhận vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Văn Ch được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Ch và cũng không hòa giải được vụ án.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và thu thập đầy đủ chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán giải quyết vụ án đúng thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu tham gia phiên tòa đảm bảo đúng quy định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa dân sự sơ thẩm theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng Nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử

vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đào Thị Th được ly hôn với ông Đỗ Văn Ch.

Về con chung: Do cháu Đỗ Thị Phương Nh, sinh ngày 23/7/2002 đã trên 18 tuổi, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét. Giao cháu Đỗ Việt N, sinh ngày 17/5/2007 cho bà Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Đào Thị Th xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

Về nợ chung: Bà Đào Thị Th xác nhận cam kết vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Văn Ch có nơi cư trú tại ấp Đường Bào, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đỗ Văn Ch như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng ông Ch đều vắng mặt không có lý do tại các buổi mời làm việc, tại phiên tòa ông Ch vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Nguyên đơn bà Đào Thị Th có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đỗ Văn Ch được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông Ch.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th, ông Ch có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày 20/11/2001 đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn: Theo lời trình bày của bà Th thể hiện trong hồ sơ vụ án thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng thường xuyên bất đồng

quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng mâu thuẫn gây găt do ông Ch không chăm lo làm ăn kinh tế, không chăm sóc gia đình, con cái, vợ chồng có cố gắng tự hàn gắn tình cảm nhưng không thành, nay vợ chồng hoàn toàn không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Theo biên xác minh ngày 02/3/2022 của Tòa án về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì được Ban nhân dân ấp Đường Bào, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc xác nhận quá trình chung sống vợ chồng bà Th, ông Ch có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Do ông Ch vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Ch.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà Th, ông Ch là trầm trọng, không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Th được ly hôn với ông Ch.

[3] Về con chung: Bà Th xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Phương Nh, sinh ngày 23/7/2002 và Đỗ Việt N, sinh ngày 17/5/2007. Do cháu Nh đã đủ 18 tuổi, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với cháu N hiện nay đang được bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N có nguyện vọng sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn theo bản tự khai ngày 15/02/2022, bà Th xác nhận trường hợp bà nuôi dưỡng cháu N thì bà không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con, vì các lý do trên, Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi, bà Th không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Bà Th và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Ch trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà Th xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này ông Ch có tranh chấp về tài sản chung vợ chồng với bà Th thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Bà Th cam kết vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp sau này ông Ch có tranh chấp về nợ chung với bà Th thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Th phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 35; 147; 238; 266, 271; 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Đào Thị Th được ly hôn với ông Đỗ Văn Ch.

2. Về con chung: Bà Th xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Phương Nh, sinh ngày 23/7/2002 và Đỗ Việt N, sinh ngày 17/5/2007. Do cháu Nh đã đủ 18 tuổi, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Giao cháu N cho bà Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi, bà Th không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Bà Th và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Ch trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con, trường hợp cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Th xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Th cam kết vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Th phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng. Bà Th đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004061 ngày 05/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, khấu trừ vào tiền án phí, bà Th đã nộp xong, không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Th, ông Ch vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được

niêm yết theo quy định pháp luật để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;
- UBND thị trấn Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Quốc Hội